

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ IV NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

*Phú Thọ, tháng 1/2021*



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>213,467,695,877</b>	<b>166,130,985,934</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>133,066,762,733</b>	<b>56,780,688,071</b>
1. Tiền	111		40,147,287,771	3,280,688,071
2. Các khoản tương đương tiền	112		92,919,474,962	53,500,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15,977,545,619</b>	<b>27,364,063,754</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.2</b>	11,500,832,680	24,851,400,970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.3</b>	4,189,079,300	2,323,758,675
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.4a</b>	287,633,639	188,904,109
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>64,293,756,874</b>	<b>60,901,072,344</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.5</b>	64,293,756,874	60,901,072,344
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>129,630,651</b>	<b>21,085,161,765</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.6a</b>	129,630,651	520,867,711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.10</b>	0	20,564,294,054
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>198,669,241,378</b>	<b>228,327,836,657</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.4b</b>	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>190,648,311,321</b>	<b>219,394,533,815</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.7</b>	190,648,311,321	219,394,533,815
- Nguyên giá	222		522,902,448,621	509,995,048,427
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(332,254,137,300)	(290,600,514,612)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	0	0
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8,020,930,057</b>	<b>8,933,302,842</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	8,020,930,057	8,933,302,842
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>412,136,937,255</b>	<b>394,458,822,591</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>184,212,145,751</b>	<b>154,600,660,349</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175,596,557,661</b>	<b>137,941,072,259</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	8,306,051,447	12,381,445,874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54,096,300	186,521,382
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	49,145,529,480	2,788,133,829
4. Phải trả người lao động	314	V.11	2,604,564,000	2,292,249,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3,751,817,383	3,985,812,702
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch nợ công xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	15,160,167,250	9,697,978,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	94,114,834,692	103,544,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2,459,497,109	3,064,931,472

9394  
NG T  
PH  
SÀI G  
HÚ T  
ÔNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8,615,588,090</b>	<b>16,659,588,090</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>V.14b</b>	8,615,588,090	16,659,588,090
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>227,924,791,504</b>	<b>239,858,162,242</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>227,924,791,504</b>	<b>239,858,162,242</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125,000,000,000	125,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125,000,000,000	125,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23,517,055,477	23,517,055,477
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79,407,736,027	91,341,106,765
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68,114,069,466	51,387,973,137
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11,293,666,561	39,953,133,628
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			





**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

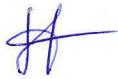
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>412,136,937,255</b>	<b>394,458,822,591</b>

Lập biểu



Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng



Trần Bích Thủy



Giám đốc

Bùi Văn Thiêng

Phú Thọ, ngày 18 tháng 01 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>VI.1</b>	85,111,505,132	157,114,155,113	345,542,706,412	593,391,210,490
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>	<b>VI.2</b>	0			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>85,111,505,132</b>	<b>157,114,155,113</b>	<b>345,542,706,412</b>	<b>593,391,210,490</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	79,791,400,934	131,735,304,456	316,578,155,434	503,801,016,781
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 -11)</b>	<b>20</b>		<b>5,320,104,198</b>	<b>25,378,850,657</b>	<b>28,964,550,978</b>	<b>89,590,193,709</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	795,177,344	712,639,713	2,775,865,866	1,193,486,534
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1,054,049,317	964,467,838	3,019,183,894	2,832,916,937
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,054,049,317	964,467,838	3,019,183,894	2,832,916,937
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	618,234,743	665,525,469	4,148,259,011	5,052,692,194
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4,265,288,528	5,372,967,722	12,387,937,950	16,613,088,105
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>177,708,954</b>	<b>19,088,529,341</b>	<b>12,185,035,989</b>	<b>66,284,983,007</b>
12. Thu nhập khác	31		22,934,300	0	115,157,461	42,534,650
13. Chi phí khác	32		18,399,237	0	21,524,426	0
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4,535,063</b>	<b>0</b>	<b>93,633,035</b>	<b>42,534,650</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>182,244,017</b>	<b>19,088,529,341</b>	<b>12,278,669,024</b>	<b>66,327,517,657</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		77,770,588	1,505,627,195	985,002,463	5,048,634,029
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	75,750,000
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>104,473,429</b>	<b>17,582,902,146</b>	<b>11,293,666,561</b>	<b>61,203,133,628</b>
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		0	0	0	0
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>		<b>8.36</b>	<b>1,206.63</b>	<b>903.49</b>	<b>4,362.89</b>

Lập biểu

Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy



Phú Thọ, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Giám đốc

**CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN PHÚ THỌ**

Bùi Văn Thiêng



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>12,278,669,024</b>	<b>66,327,517,657</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		41,653,622,688	40,136,294,829
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(2,775,865,866)	(1,193,486,534)
- Chi phí lãi vay	6		3,019,183,894	2,832,916,937
- Các khoản điều chỉnh khác	7		0	0
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>54,175,609,740</b>	<b>108,103,242,889</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		32,191,870,831	(9,310,280,806)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-3,392,684,530	(13,376,509,989)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		39,900,893,216	(9,031,892,631)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,303,609,845	1,512,727,643
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,038,372,605)	(2,757,057,389)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,374,664,826)	(4,197,243,284)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-605,434,363	(6,528,274,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>118,160,827,308</b>	<b>64,414,712,433</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14,540,773,924)	(22,181,659,508)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,832,136,336	1,004,582,425
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11,708,637,588)</b>	<b>(21,177,077,083)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		199,658,249,297	418,012,174,515
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(217,131,414,605)	(362,879,021,215)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12,692,949,750)	(43,986,442,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30,166,115,058)</b>	<b>11,146,711,300</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>76,286,074,662</b>	<b>54,384,346,650</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56,780,688,071	2,396,341,421
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		133,066,762,733	56,780,688,071

Phú Thọ, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy

Giám Đốc



Bút Văn Thiêng



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý IV Năm 2020**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Đăng ký thay đổi lần 04 ngày 18/05/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là: 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

#### **2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Khách sạn;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Sản xuất rượu vang;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ;
- Sản xuất cồn; Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

#### **3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

#### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**





CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên [hoặc trình bày theo chính sách kế toán của Công ty ví dụ áp dụng theo Chính sách lập dự phòng của Tập đoàn], hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12-48 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

**5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, bao bì luân chuyển và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 36 tháng.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm: Các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.;
- Phải trả khác: Là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ;

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Quang Minh.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu thuộc kỳ báo cáo được ghi giảm doanh thu trong kỳ, trừ trường hợp phát hiện sai sót sau khi đã phát hành báo cáo sẽ được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Trong kỳ các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: Hoàn nhập dự phòng tiền lương phải trả và chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: Chi phí lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

Chi phí quản lý được ghi giảm trong kỳ gồm: Hoàn nhập một phần chi phí trích trước kiểm kê và trực ban năm trước.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% và được giảm 50% số thuế phải nộp (từ năm 2014 đến năm 2020).



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**

**a. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**b. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
<i>Tiền</i>	<b>40,147,287,771</b>	<b>3,280,688,071</b>
Tiền mặt	727,439,940	557,370,056
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39,419,847,831	2,723,318,015
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<b>92,919,474,962</b>	<b>53,500,000,000</b>
Tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 03 tháng	92,919,474,962	53,500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>133,066,762,733</b>	<b>56,780,688,071</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>11,483,668,900</b>	<b>24,851,400,970</b>
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	11,483,668,900	24,851,400,970
Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân	0	0
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>17,163,780</b>	<b>0</b>
Phải thu các khách hàng khác	17,163,780	0
<b>Cộng</b>	<b>11,500,832,680</b>	<b>24,851,400,970</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH TM khí công nghiệp Việt Anh	275,484,000	0
Công ty Cp quốc tế Thiên Hà Xanh	300,000,000	
Công ty CP môi trường Toàn Diện	2,755,560,500	0
Công ty CP Yên Lập	0	580,000,000
Công ty CP cơ nhiệt điện lạnh Thuận Phát	769,999,800	967,800,900
Công ty CPCNXD và TM Quốc tế D&T	0	451,220,275
Các nhà cung cấp khác	88,035,000	324,737,500
<b>Cộng</b>	<b>4,189,079,300</b>	<b>2,323,758,675</b>

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
Tạm ứng	0	0
Phải thu khác	155,000,000	
Lãi tiền gửi cuối năm	132,633,639	188,904,109
<b>Cộng</b>	<b>287,633,639</b>	<b>188,904,109</b>

**4b. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
Ký cược, ký quỹ	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2020	01/01/2020
Nguyên liệu, vật liệu	21,082,934,460	22,768,990,019
Công cụ, dụng cụ	15,133,221,458	13,643,810,655
Chi phí SXKD dở dang	11,394,512,819	13,122,566,185
Thành phẩm	16,683,088,137	11,365,705,485
<b>Cộng</b>	<b>64,293,756,874</b>	<b>60,901,072,344</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**6 . Chi phí trả trước****6a . Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Sửa chữa	0	370,267,500
chi phí bảo hiểm	129,630,651	150,600,211
<b>Cộng</b>	<b>129,630,651</b>	<b>520,867,711</b>

**6b . Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền thuê đất	430,381,080	860,762,160
Chi phí sửa chữa	3,086,109,230	4,202,654,974
Cộng cụ dụng cụ	4,504,439,747	3,869,885,708
<b>Cộng</b>	<b>8,020,930,057</b>	<b>8,933,302,842</b>

**7 . Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	123,356,238,051	376,475,986,847	7,946,335,259	2,216,488,270	509,995,048,427
Mua trong kỳ	1,625,227,273	10,102,171,102	0	1,180,001,819	12,907,400,194
XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0
Thanh lý TSCĐ	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>124,981,465,324</b>	<b>386,578,157,949</b>	<b>7,946,335,259</b>	<b>3,396,490,089</b>	<b>522,902,448,621</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	33,754,984,369	249,802,178,809	5,862,486,672	1,180,864,762	290,600,514,612
Khấu hao trong năm	5,236,119,929	35,484,429,180	556,535,358	376,538,221	41,653,622,688
Thanh lý TSCĐ	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>38,991,104,298</b>	<b>285,286,607,989</b>	<b>6,419,022,030</b>	<b>1,557,402,983</b>	<b>332,254,137,300</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	89,601,253,682	126,673,808,038	2,083,848,587	1,035,623,508	219,394,533,815
<b>Số ngày cuối kỳ</b>	<b>85,990,361,026</b>	<b>101,291,549,960</b>	<b>1,527,313,229</b>	<b>1,839,087,106</b>	<b>190,648,311,321</b>

**8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020	1/1/2020
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	0	0
Lắp đặt 02 tank lên men	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**9 . Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2,641,429,652</b>	<b>8,273,322,123</b>
Tổng công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn	2,641,429,652	8,273,322,123
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>5,664,621,795</b>	<b>4,108,123,751</b>
<b>Cộng</b>	<b>8,306,051,447</b>	<b>12,381,445,874</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**10 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	1/1/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2020
Thuế GTGT	1,248,848,042	38,202,597,544	34,930,111,669	4,521,333,917
Thuế GTGT hàng NK	0	0	0	0
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(20,564,294,054)	304,715,835,442	239,654,746,222	44,496,795,166
Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,505,627,195	1,119,450,984	2,509,113,347	115,964,832
Thuế thu nhập cá nhân	33,658,592	994,881,530	1,017,104,557	11,435,565
Các loại thuế khác	0	3,000,000	3,000,000	0
<b>Cộng</b>	<b>(17,776,160,225)</b>	<b>345,035,765,500</b>	<b>278,114,075,795</b>	<b>49,145,529,480</b>

**11 . Phải trả người lao động**

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền lương phải trả cuối kỳ	2,604,564,000	2,292,249,000
<b>Cộng</b>	<b>2,604,564,000</b>	<b>2,292,249,000</b>

**12 . Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng chi phí tiền lương	2,500,000,000	2,502,806,608
Chi phí lãi vay phải trả	118,829,383	138,018,094
Chi phí sửa chữa	0	0
Các khoản trích trước khác	1,132,988,000	1,344,988,000
<b>Cộng</b>	<b>3,751,817,383</b>	<b>3,985,812,702</b>

**13 . Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	39,136,000	31,197,000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,471,300,000	7,074,100,000
Cổ tức phải trả	8,649,731,250	2,592,681,000
Phải trả khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>15,160,167,250</b>	<b>9,697,978,000</b>

**14 . Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>14a . Vay ngắn hạn</b>	<b>94,114,834,692</b>	<b>103,544,000,000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam _ CN Quang Minh	86,070,834,692	95,500,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	8,044,000,000	8,044,000,000
<b>14b . Vay dài hạn</b>	<b>8,615,588,090</b>	<b>16,659,588,090</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam _ CN Quang Minh	8,615,588,090	16,659,588,090
<b>Cộng</b>	<b>102,730,422,782</b>	<b>120,203,588,090</b>

**15 . Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	31/12/2020	01/01/2020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,004,095,395	2,508,967,057
Quỹ an sinh xã hội	455,401,714	555,964,415
<b>Cộng</b>	<b>2,459,497,109</b>	<b>3,064,931,472</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**16 . Vốn chủ sở hữu****16a . Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	125,000,000,000	23,517,055,477	81,583,973,137	230,101,028,614
Lãi/(lỗ) trong năm trước	0	0	61,203,133,628	61,203,133,628
Phân phối lợi nhuận năm 2018	0	0	(30,196,000,000)	(30,196,000,000)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2019	0	0	(21,250,000,000)	(21,250,000,000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	125,000,000,000	23,517,055,477	91,341,106,765	239,858,162,242
Lãi/(lỗ) trong kỳ	0	0	11,293,666,561	11,293,666,561
Phân phối phân lợi nhuận năm 2019	0	0	(15,677,037,299)	(15,677,037,299)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2020	0	0	(7,550,000,000)	(7,550,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	125,000,000,000	23,517,055,477	79,407,736,027	227,924,791,504

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2020 và nghị quyết của HĐQT số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 21/12/2020. Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Số phân phối theo NQ	Số đã tạm phân phối năm 2019	Số đã phân phối đến 31/12/2020
Trích quỹ an sinh xã hội	310,037,299	0	310,037,299
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6,667,000,000	2,500,000,000	4,167,000,000
Trích chi trả cổ tức	37,500,000,000	18,750,000,000	18,750,000,000
<b>Cộng</b>	44,477,037,299	21,250,000,000	23,227,037,299

**16b . Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
TCT Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	33,787,500,000	33,787,500,000
Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	8,530,500,000	8,530,500,000
Ông Võ Sỹ Dờng	10,536,760,000	10,536,760,000
Bà Nguyễn Thu Hương	6,552,660,000	6,552,660,000
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	6,250,000,000	6,250,000,000
Các cổ đông khác	59,342,580,000	59,342,580,000
<b>Cộng</b>	125,000,000,000	125,000,000,000

**VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Doanh thu bán bia	83,687,625,852	155,501,820,924
Doanh thu khác	1,423,879,280	1,612,334,189
<b>Cộng</b>	85,111,505,132	157,114,155,113

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**2 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Là khoản chiết khấu thương mại cho các đại lý bia hơi.	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**3 . Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Giá vốn thành phẩm đã bán	79,253,454,643	131,384,957,323
Giá vốn hoạt động khác	537,946,291	350,347,133
<b>Cộng</b>	<b>79,791,400,934</b>	<b>131,735,304,456</b>

**4 . Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	795,177,344	712,639,713
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	0
<b>Cộng</b>	<b>795,177,344</b>	<b>712,639,713</b>

**5 . Chi phí tài chính**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Chi phí lãi vay	1,054,049,317	964,467,838
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1,054,049,317</b>	<b>964,467,838</b>

**6 . Chi phí bán hàng**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Chi phí vận chuyển	179,268,433	262,315,008
Chi phí trả trước phân bổ	176,620,855	127,811,954
Chi phí khác	262,345,455	275,398,507
<b>Cộng</b>	<b>618,234,743</b>	<b>665,525,469</b>

**7 . Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161,343,879	84,971,000
Chi phí nhân công	2,841,012,462	3,037,919,700
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ	225,006,105	902,034,105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	967,341,686	1,125,537,041
Chi phí khác	70,584,396	222,505,876
<b>Cộng</b>	<b>4,265,288,528</b>	<b>5,372,967,722</b>

**8 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67,979,558,272	116,922,622,638
Chi phí nhân công	7,704,305,924	7,703,430,838
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ	10,627,920,132	11,166,260,066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,041,535,115	6,774,193,749
Chi phí khác	783,599,985	1,469,296,571
<b>Cộng</b>	<b>92,136,919,428</b>	<b>144,035,803,862</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020

**9. Thông tin các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

ST Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT và thuế tiêu thụ đặc biệt)
1 Tổng công ty CP Bia Rượu - NGK Sài Gòn	- Mua nguyên vật liệu hàng hóa - Doanh thu bán bia, hàng hóa khác	57,646,297,112 78,314,421,821
2 Công ty TNHH MTV Sài Gòn- Hà Tĩnh	- Mua dịch vụ	207,700,000
3 Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	- Mua dịch vụ	240,543,000
<b>Thu nhập của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát</b>		
Bên liên quan		<b>Số tiền</b>
1 Hội đồng quản trị, ban kiểm soát		360,000,000
2 Ban giám đốc		322,264,000

Người lập biểu

Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy

Phú Thọ, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Giám đốc

  
Bùi Văn Thiêng



